

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:340/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Hồng G, sinh năm 1959; Cư trú tại: Ấp T L, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1958; Cư trú tại: Ấp T L, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D; Địa chỉ trụ sở: Khóm 4, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D; Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Hồng G trình bày:

Về hôn nhân: Bà G và ông X chung sống với nhau vào năm 1979, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Ông, bà đã ly thân được 07 năm. Nguyên

nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà G yêu cầu xin ly hôn với ông X.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ:

+ Nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D với số tiền 12.500.000 đồng.

+ Nợ ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D với số tiền 18.000.000 đồng. Khi ly hôn bà G yêu cầu chia đôi số nợ trên.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn X trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà G.

Về con chung, tài sản chung: Ông X thống nhất lời trình bày của bà G.

Về nợ: Ông X thống nhất theo yêu cầu của bà G

Đối với ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D và ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D không có ý kiến gì đến yêu cầu của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D vắng mặt không có lý do; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D có ý kiến xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà G thấy rằng, ông bà chung sống với nhau vào năm 1979, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà G yêu cầu ly hôn được ông X Đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông bà không có đăng ký kết hôn, nhưng hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G, cho bà G được ly hôn với ông X.

[3] Về con chung: Các con của bà G và ông X đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà G và ông X tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Đối với ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D và ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D không có đơn

khởi kiện và dự nộp án phí theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D bằng vụ án dân sự khác khi bà G và ông X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà G phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Hồng G. Cho bà Lê Hồng G được ly hôn ông Nguyễn Văn X.

2. Về nợ: Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ D và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D bằng vụ án dân sự khác khi bà G và ông X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Hồng G không phải chịu (thuộc đối tượng được miễn).

Bà Lê Hồng G và ông Nguyễn Văn X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến